Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-23 08:04:54 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1965/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án "Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1200/TTr-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2026, văn bản số 5836/BGDĐT-GDPT ngày 27 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông" (sau đây gọi tắt là Đề án), với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hạ tầng học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục phổ thông, được Nhà nước quản lý thống nhất; bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, kiến trúc số ngành giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với học liệu do các tổ chức, cá nhân tạo lập được tôn trọng, bảo hộ theo quy định của pháp luật.

2. Hệ thống được thiết kế theo hướng mở, liên thông, lấy dữ liệu làm trung tâm; ưu tiên kế thừa, kết nối, khai thác các hạ tầng, nền tảng, dịch vụ và thành phần dùng chung của quốc gia.

3. Bảo đảm công bằng tiếp cận nguồn học liệu số chất lượng cao, chuẩn hóa và miễn phí cho mọi học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trên cả nước; ưu tiên

nguồn lực, hạ tầng, thiết bị và giải pháp truy cập cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, học sinh khuyết tật.

4. Huy động các nguồn lực xã hội và đẩy mạnh hợp tác công - tư để phát triển Hệ thống; Nhà nước bảo đảm đầu tư, phát triển và cung cấp học liệu lõi quốc gia theo quy định của pháp luật; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ, nhà xuất bản, tổ chức giáo dục và cộng đồng giáo viên tham gia đóng góp, phát triển học liệu bổ trợ và học liệu đặc thù địa phương.

5. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân định, quản lý phù hợp giữa học liệu số quốc gia và dữ liệu cá nhân; thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Hệ thống đồng bộ, hiện đại, liên thông và dùng chung, phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông; bảo đảm học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận, khai thác học liệu số có chất lượng, phù hợp với nhu cầu dạy và học.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về thể chế: hoàn thiện các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về định danh, thẩm định, bản quyền, quản lý, chia sẻ và khai thác học liệu số theo quy định của pháp luật; vận hành hiệu quả cơ chế bản quyền, chính sách khuyến khích đóng góp và cơ chế phối hợp liên ngành.

b) Về hạ tầng: Cổng học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Cổng học liệu số) được xây dựng, vận hành ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên phạm vi toàn quốc theo quy mô và yêu cầu kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Về học liệu: hoàn thành bộ học liệu lõi quốc gia đối với các môn học, cấp học theo Chương trình giáo dục phổ thông, ưu tiên học liệu tương tác đa phương tiện, mô phỏng thực tế và thí nghiệm ảo.

d) Về người dùng: giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh được bồi dưỡng năng lực số theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng và đóng góp học liệu số; học liệu được khai thác thường xuyên; mức độ hài lòng của người dùng đạt yêu cầu.

đ) Về kết nối, chia sẻ dữ liệu và xác thực người dùng: danh mục và dữ liệu học liệu số đã được chuẩn hóa được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu quốc gia có liên quan; kết nối với ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các phương thức xác thực phù hợp khác phục vụ xác thực người dùng; bảo đảm học sinh không bị hạn chế quyền tiếp cận học liệu do chưa có tài khoản

định danh điện tử; đối với học liệu công khai, miễn phí, không bắt buộc đăng nhập. Danh mục và dữ liệu học liệu số được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục phục vụ phát triển, huấn luyện các mô hình trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

e) Về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Hệ thống được bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ phù hợp; tuân thủ pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

g) Về công bằng giáo dục: học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận nguồn học liệu chất lượng cao như học sinh khu vực đô thị và các vùng thuận lợi, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án được triển khai theo hai giai đoạn, bảo đảm hoàn thiện các điều kiện cần thiết, tổ chức thí điểm, đánh giá, hoàn thiện và triển khai trên phạm vi toàn quốc, cụ thể:

1. Giai đoạn 2026 - 2027: rà soát, hoàn thiện và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng, vận hành thử nghiệm phiên bản đầu tiên của Cổng học liệu số cùng Nền tảng quản lý và khai thác học liệu số; hoàn thành học liệu lõi quốc gia giai đoạn thí điểm, tập huấn cốt cán, tổ chức thí điểm triển khai Hệ thống tại một số địa phương và hoàn thành kết nối xác thực định danh điện tử.

2. Giai đoạn 2028 - 2030: trên cơ sở kết quả đánh giá thí điểm, hoàn thành việc xây dựng Cổng học liệu số với bộ học liệu lõi quốc gia, Hệ thống dữ liệu và các dịch vụ kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu quốc gia có liên quan; mở rộng đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, phấn đấu đạt 100% cơ sở giáo dục phổ thông kết nối và sử dụng Hệ thống trước năm 2030; tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá tác động độc lập.

IV. CẤU TRÚC VÀ CÁC THÀNH PHẦN CỦA HỆ THỐNG

1. Hệ thống là hạ tầng học liệu số dùng chung, gồm các thành phần chủ yếu sau: (i) Cổng học liệu số; (ii) Kho học liệu số quốc gia; (iii) Nền tảng quản lý và khai thác học liệu số; (iv) Hệ thống dữ liệu và các dịch vụ kết nối, chia sẻ; (v) Hạ tầng kỹ thuật bảo đảm vận hành Hệ thống. Hệ thống là thành phần của Nền tảng số giáo dục quốc gia, được kết nối, liên thông với Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia thuộc Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia.

2. Các thành phần của Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc mở, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và kế thừa các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu hiện có, hạn chế đầu tư trùng lặp.

3. Mô hình quản lý, vận hành và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của Hệ thống do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật và khung bản quyền học liệu số

a) Rà soát, xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, thẩm định, phê duyệt, khai thác và chia sẻ học liệu số giữa các cấp theo quy định của pháp luật; ban hành quy định, hướng dẫn về học liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc tả dữ liệu, phân loại dữ liệu, mã định danh học liệu và chia sẻ, liên thông dữ liệu.

b) Xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng học liệu số, bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan và khuyến khích phát triển học liệu mở phù hợp với quy định của pháp luật; phân định rõ quyền sở hữu và quyền sử dụng theo các nhóm chủ thể (Nhà nước đặt hàng; giáo viên đóng góp; doanh nghiệp, nhà xuất bản tham gia).

c) Ban hành chính sách khuyến khích đóng góp học liệu; chính sách bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Phát triển hạ tầng số và nền tảng công nghệ dùng chung

a) Xây dựng và vận hành Cổng học liệu số đa nền tảng (web, ứng dụng di động); hỗ trợ truy cập băng thông thấp và chế độ ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Phát triển hạ tầng, nền tảng, dữ liệu và dịch vụ số lưu trữ trên nền điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu dự phòng, mạng phân phối nội dung và giám sát 24/7; tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; kết nối, liên thông, chia sẻ và sử dụng chung với các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung của quốc gia.

3. Xây dựng học liệu lõi quốc gia

a) Đặt hàng biên soạn, số hóa học liệu lõi quốc gia bằng ngân sách nhà nước theo mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh của Chương trình giáo dục phổ thông, ưu tiên học liệu tương tác đa phương tiện, mô phỏng thực tế, thí nghiệm ảo và nội dung đặc thù.

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, cập nhật, chỉnh sửa, tạm dừng hoặc gỡ bỏ học liệu; ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong các khâu phù hợp, bảo đảm trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

c) Huy động nguồn học liệu xã hội hóa từ nhà xuất bản, doanh nghiệp công nghệ giáo dục và cộng đồng giáo viên qua chức năng đóng góp học liệu trên Cổng học liệu số.

4. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ vận hành Kho học liệu số quốc gia

a) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ quản lý, phân loại, tìm kiếm, đề xuất và khai thác học liệu số phù hợp với yêu cầu của Hệ thống.

b) Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm sự giám sát, kiểm soát và chịu trách nhiệm của con người đối với các quyết định thuộc thẩm quyền; bảo đảm khả năng kiểm tra, truy xuất và xử lý khiếu nại theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các chức năng trí tuệ nhân tạo thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về quản lý rủi ro, minh bạch, giám sát của con người và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Thiết kế kiến trúc bảo mật nhiều lớp; quản lý định danh, xác thực và phân quyền truy cập tập trung; mã hóa dữ liệu lưu trữ và truyền tải; giám sát an ninh mạng 24/7.

b) Đối với dữ liệu cá nhân của học sinh là trẻ em, người chưa thành niên: thực hiện theo quy định riêng của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với nhóm chủ thể này và pháp luật về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

c) Ẩn danh hóa dữ liệu cá nhân trước khi phân tích, tổng hợp; thực hiện kiểm tra, kiểm thử, đánh giá và kiểm toán an toàn thông tin theo yêu cầu, cấp độ và quy định của pháp luật; tuân thủ đầy đủ Luật An ninh mạng và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực số và truyền thông, thúc đẩy sử dụng thực chất

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành khung năng lực số; tổ chức tập huấn cốt cán và bồi dưỡng đại trà năng lực số cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo lộ trình; tích hợp kỹ năng số vào đào tạo sinh viên sư phạm.

b) Triển khai kế hoạch quản trị thay đổi và thúc đẩy sử dụng thực chất (mạng lưới giáo viên tiên phong, cộng đồng thực hành số, cơ chế thi đua - ghi nhận, đo lường áp dụng thực tế); ưu tiên hỗ trợ thiết bị, đường truyền cho giáo viên, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7. Phối hợp liên ngành và liên thông dữ liệu

Bảo đảm cam kết chất lượng dịch vụ; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành định kỳ; kết nối, chia sẻ danh mục và dữ liệu học liệu số đã được chuẩn hóa với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu quốc gia có liên quan theo quy định của pháp luật; phạm vi, phương thức và tần suất chia sẻ do cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

8. Bảo đảm nguồn lực và phát triển bền vững

a) Bố trí kinh phí theo nguyên tắc tách bạch vốn đầu tư công cho xây dựng hạ tầng, nền tảng cốt lõi và kinh phí chi thường xuyên cho vận hành, thuê dịch vụ

điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, thẩm định và cập nhật học liệu; kinh phí chi thường xuyên được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư trên nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch, không thu phí đối với học liệu lõi quốc gia; không gắn quyền tiếp cận học liệu lõi với việc mua sản phẩm, dịch vụ khác; không tạo độc quyền nền tảng và không gây bất bình đẳng trong tiếp cận.

(Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ngân sách trung ương: bố trí vốn đầu tư công cho hạ tầng và nền tảng công nghệ dùng chung cấp quốc gia; bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm cho học liệu lõi quốc gia, tập huấn cốt cán, vận hành Hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin, giám sát an ninh mạng và kiểm toán độc lập, theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương: bố trí ngân sách theo quy định của pháp luật, phù hợp với kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, để bảo đảm hạ tầng truy cập, đường truyền Internet đạt chuẩn và thiết bị đầu cuối tại cơ sở giáo dục phổ thông; tập huấn đại trà; xây dựng, lưu trữ, khai thác, sử dụng học liệu.

3. Nguồn xã hội hóa, hợp tác công - tư và tài trợ hợp pháp khác: huy động theo quy định của pháp luật để hỗ trợ bảo đảm hạ tầng truy cập, đường truyền Internet đạt chuẩn và thiết bị đầu cuối tại cơ sở giáo dục phổ thông; xây dựng, lưu trữ, khai thác, sử dụng học liệu, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, hài hòa lợi ích.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ quản Hệ thống, chủ trì tổ chức quản lý, xây dựng, vận hành và phát triển Hệ thống; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả, tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

a) Chủ trì xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý; tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống theo quy định; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp Bộ.

b) Chủ trì tổ chức biên soạn, thẩm định, cập nhật học liệu lõi quốc gia; chủ trì tổ chức quản lý, thẩm định, kiểm soát chất lượng, nguồn gốc, bản quyền và xử lý

học liệu vi phạm theo quy định của pháp luật; bảo đảm chỉ đưa lên Hệ thống những học liệu có nội dung phù hợp, không vi phạm pháp luật, bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan, không có nội dung sai lệch, phản cảm hoặc ảnh hưởng đến lịch sử, văn hóa, chủ quyền, lợi ích quốc gia, gây tác động tiêu cực, dư luận không tốt; kịp thời gỡ bỏ, xử lý học liệu vi phạm. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý các nội dung vi phạm thuộc lĩnh vực chuyên ngành (an ninh, chủ quyền quốc gia, lịch sử, văn hóa và các lĩnh vực khác).

c) Chủ trì rà soát, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, đề án, dự án khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập dự toán kinh phí hằng năm làm cơ sở lập dự án đầu tư công và dự toán ngân sách theo quy định.

d) Chủ trì tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu học liệu số theo quy định của pháp luật; bố trí nhân sự đầu mối phụ trách kết nối, quản trị dữ liệu học liệu số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin; thực hiện kiểm tra, kiểm thử, đánh giá và kiểm toán theo yêu cầu, cấp độ và quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, kiểm tra, tổ chức thuê kiểm toán độc lập, sơ kết, tổng kết, đánh giá tác động độc lập và báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ; kịp thời báo cáo vấn đề vượt thẩm quyền.

e) Chịu trách nhiệm theo quy định về nội dung, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 1200/TTr-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2026, văn bản số 5836/BGDĐT-GDPT ngày 27 tháng 8 năm 2026 và các văn bản, tài liệu liên quan.

2. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên hằng năm thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Công an: Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong kết nối, xác thực định danh điện tử và bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật; bảo đảm vai trò của cha, mẹ hoặc người giám hộ đối với học sinh là trẻ em, người chưa thành niên; hỗ trợ điều tra vi phạm trên Hệ thống theo thẩm quyền.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố bảo đảm hạ tầng viễn thông, Internet băng thông rộng phục vụ triển khai Đề án theo quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đã được phê duyệt.

b) Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với học liệu số; ưu tiên đề tài nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các nhiệm vụ liên quan của Đề án; bảo đảm lồng ghép, đồng bộ, không trùng lặp về nội dung, nhiệm vụ và nguồn vốn với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, phân cấp tại Quyết định này và Phụ lục kèm theo; căn cứ kế hoạch đã ban hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương, bố trí ngân sách bảo đảm hạ tầng truy cập, đường truyền Internet và thiết bị đầu cuối tại cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn đại trà, triển khai kết nối, tổ chức thẩm định, quản lý và khai thác học liệu bổ trợ, học liệu đặc thù địa phương theo phân cấp, ủy quyền và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Xây dựng cơ chế thi đua, khen thưởng khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tham gia xây dựng và chia sẻ học liệu số; theo dõi, giám sát và báo cáo định kỳ kết quả khai thác Hệ thống.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Tiến Châu

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "HỆ THỐNG HỌC LIỆU SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG"

(Kèm theo Quyết định số 1965/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
I. Hoàn thiện thể chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật và khung bản quyền học liệu số						
1	Ban hành khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc tả dữ liệu, mã định danh, quy định chia sẻ, liên thông và cơ chế quản lý bản quyền học liệu số, bảo đảm quyền tác giả và khuyến khích phát triển học liệu mở	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an	Thông tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; khung bản quyền	Tháng 9/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Khảo sát hiện trạng hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông tại cơ sở giáo dục phổ thông trên toàn quốc, làm căn cứ lập dự toán và xác định yêu cầu kỹ thuật	Bộ Giáo dục và Đào tạo (yêu cầu khai thác); Bộ Khoa học và Công nghệ (chuẩn kỹ thuật hạ tầng)	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Báo cáo khảo sát hiện trạng được công bố	Tháng 4/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
3	Xác định yêu cầu tối thiểu về hạ tầng, thiết bị phục vụ khai thác học liệu tại cơ sở giáo dục phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo); ban hành chuẩn kỹ thuật băng thông, hạ tầng viễn thông theo thẩm quyền chuyên ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Bộ Giáo dục và Đào tạo (yêu cầu khai thác); Bộ Khoa học và Công nghệ (chuẩn kỹ thuật hạ tầng)	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Văn bản quy định chuẩn kỹ thuật	Tháng 6/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
II. Phát triển hạ tầng số và nền tảng công nghệ dùng chung						
4	Xây dựng, vận hành thử nghiệm phiên bản đầu tiên của Cổng học liệu số và Nền tảng quản lý và khai thác học liệu số; kế thừa, liên thông với Nền tảng số giáo dục quốc gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Trung tâm Dữ liệu quốc gia	Cổng học liệu số phiên bản đầu tiên vận hành thử nghiệm; báo cáo kiểm kê, ánh xạ chuẩn với hệ thống hiện có	Tháng 12/2027	Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án theo Luật Đầu tư công
5	Bảo đảm khả năng kết nối Internet băng thông rộng phục vụ triển khai Hệ thống tại các cơ sở giáo dục phổ thông, phù hợp với yêu cầu triển khai Đề án	Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	100% cơ sở giáo dục phổ thông có khả năng kết nối Internet băng thông rộng	Tháng 12/2027	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
6	Hoàn thiện, vận hành ổn định Cổng học liệu số; 100% cơ sở giáo dục phổ thông kết nối, sử dụng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Hệ thống vận hành ổn định; 100% cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng	Tháng 12/2029	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Bố trí ngân sách địa phương bảo đảm hạ tầng truy cập, đường truyền đạt chuẩn và thiết bị đầu cuối tại cơ sở giáo dục phổ thông	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính	Kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương được phê duyệt	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030 (theo thời hạn lập dự toán ngân sách địa phương)	Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp ngân sách
III. Xây dựng học liệu lõi quốc gia						
8	Thành lập Hội đồng thẩm định học liệu số quốc gia; ban hành quy trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, cập nhật, chỉnh sửa, tạm dừng, gỡ bỏ học liệu	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan liên quan	Quyết định thành lập Hội đồng; quy trình thẩm định	Tháng 3/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
9	Đặt hàng, biên soạn, số hóa, thẩm định học liệu lõi quốc gia (giai đoạn thí điểm)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản, doanh nghiệp,	Hoàn thành số lượng học liệu theo kế hoạch	Tháng 12/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
			cộng đồng giáo viên	được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên các môn học, cấp học và nội dung thiết yếu		
10	Hoàn thiện bộ học liệu lõi quốc gia, phủ 100% môn học và cấp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản, doanh nghiệp, cộng đồng giáo viên	Bảo đảm bao phủ các môn học, cấp học theo Chương trình giáo dục phổ thông; số lượng cụ thể thực hiện theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Tháng 12/2030	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
IV. Bảo đảm nguồn lực tài chính						
11	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên hằng năm	Bộ Tài chính	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan	Phương án bố trí vốn trình cấp có thẩm quyền	Hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030 (theo thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước)	Bộ trưởng Bộ Tài chính; cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn theo Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
V. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực số						
12	Ban hành khung năng lực số; tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cốt cán	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Khung năng lực số; hình thành đội ngũ cốt cán về học liệu số theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Giai đoạn 2026 - 2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
13	Bồi dưỡng đại trà năng lực số cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng năng lực số theo lộ trình, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng Hệ thống	Tháng 12/2030	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
VI. An ninh mạng, an toàn thông tin và liên thông dữ liệu						
14	Tích hợp, kết nối xác thực định danh điện tử cho người dùng theo phương thức được cấp có thẩm quyền lựa chọn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công an	Hoàn thành kết nối, xác thực định danh điện tử theo phương thức được cấp có thẩm quyền lựa chọn, phù hợp với quy định của pháp luật	Tháng 12/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Công an theo thẩm quyền
15	Kết nối, chia sẻ danh mục và dữ liệu học liệu số đã được chuẩn hóa với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu có liên quan (trong đó có Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo theo Quyết định số 804/QĐ-TTg) theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công an	Dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Định kỳ 6 tháng một lần, bắt đầu từ tháng 12/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	Thực hiện kiểm tra, kiểm thử, đánh giá và kiểm toán an toàn thông tin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công an, tổ chức kiểm toán độc lập	Báo cáo kiểm thử, báo cáo kiểm toán	Theo cấp độ và quy định của pháp luật	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
17	Thực hiện đánh giá, quản lý và kiểm soát rủi ro đối với các chức năng trí tuệ nhân tạo của Hệ thống theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Hồ sơ đánh giá rủi ro được phê duyệt; báo cáo kiểm thử sai lệch định kỳ	Lần đầu trước khi đưa Hệ thống vào vận hành chính thức; cập nhật hằng năm	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
18	Tiếp nhận, quản lý dữ liệu học liệu số được đồng bộ; hướng dẫn bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với Hệ thống và xử lý vi phạm theo thẩm quyền	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ	Văn bản hướng dẫn bảo đảm an ninh mạng; dữ liệu được tiếp nhận, quản lý theo quy định	Thường xuyên từ năm 2027	Bộ trưởng Bộ Công an
VII. Tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá						
19	Tổ chức thí điểm tại một số địa phương đại diện cho các vùng, điều kiện triển khai khác nhau; số lượng, địa phương và nội dung thí điểm do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định theo thẩm quyền	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố được chọn thí điểm	Báo cáo đánh giá kết quả thí điểm, làm căn cứ quyết định mở rộng triển khai	Tháng 12/2027	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền quyết định, ban hành
20	Mở rộng đồng bộ trên phạm vi toàn quốc	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Triển khai trên phạm vi toàn quốc	Tháng 12/2029	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
21	Sơ kết, tổng kết và đánh giá tác động độc lập việc thực hiện Đề án	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo sơ kết; báo cáo tổng kết, đánh giá tác động độc lập; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định	Sơ kết năm 2028; tổng kết năm 2030	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo